

MỘT SỐ HỆ QUẢ CỦA XU THẾ ĐƠN TIẾT HOÁ VÀ ĐA TIẾT HOÁ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT

PGS.TS VŨ ĐỨC NGHIÊU

Từ trong cội nguồn và trải suốt quá trình phát triển cho tới ngày nay, tiếng Việt đã kinh qua nhiều biến đổi lớn lao và không kém phần phức tạp. Chính do các biến đổi lịch sử đó mà diện mạo và cấu trúc hình thái từ của nó cũng đã có những chiều hướng diễn biến không giống nhau, rồi từ những diễn biến không giống nhau ấy đã đưa đến những hệ quả khác nhau, tạo nên bức tranh từ vựng, ngữ pháp đầy màu sắc cùng với không ít khoảng tối hiện chưa được làm sáng tỏ.

1. Theo những nguồn tư liệu hiện biết và những kết quả nghiên cứu đã đạt được, các nhà nghiên cứu về những lĩnh vực hữu quan [1], [4], [5], [6], [7] đã xác định được rằng:

Thời ngôn ngữ Proto Việt Mường (cũng gọi là Proto Việt Chứt - [1])

<i>Proto VM</i>	<i>V hiện đại</i>
* t(ə) ɲ ɔ c	<i>ngọt</i>
* l ə ta?	<i>đá</i>
* aɡas	<i>gãi</i>
* akǎ ?	<i>cá</i>
* k ə lo	<i>(ngôi) sao</i>
* ahlǎ ?	<i>lúa</i>
* s / c (ə) lu	<i>trâu</i>
* k(ə)r ǎ ɲ	<i>rừng</i>
(...)	

và xa hơn, đến thời Proto Môn Khmer (những ngôn ngữ vốn là cội nguồn xa xưa hơn của tiếng Việt) đã từng có những từ cận song tiết (*sesquisyllabic words* - đúng ra, thuật ngữ này được dùng để chỉ những từ gồm “một âm tiết rưỡi”) bao gồm một âm tiết chính và một âm tiết phụ (tiền âm tiết: *presyllable* - thành tố chỉ gồm một phụ âm với một nguyên âm dòng pha /ə/ hoặc /a/), trong đó, âm tiết chính luôn luôn được nhấn mạnh. Về sau, có một quá trình đơn tiết hoá đã diễn ra đối với những từ cận song tiết đó (những từ mà một số nhà nghiên cứu gọi là những *đơn vị từ vựng - hình thái cơ bản*, còn một số khác thì lại gọi là những *từ âm vị học*), khiến cho âm tiết chính của chúng được giữ lại và hiện diện trong tiếng Việt ngày nay. Ví dụ:

<i>Proto VM</i>	<i>V hiện đại</i>
* usǔk	<i>tóc</i>
* k ə cet	<i>giết</i>
* ac ǎ ?	<i>chó</i>
* k(ə)mur	<i>môi</i>
* s(ə)rǎ?	<i>(khoai) sọ</i>
* ahr ɔ	<i>rùa</i>
* t(ə)ɲ ǎ s	<i>người</i>
* ate?	<i>đái</i>

<i>Proto MK</i>	<i>V hiện đại</i>	<i>Proto MK</i>	<i>V hiện đại</i>
* gə m(a/i ə)?	<i>mưa</i>	* sə map	<i>mượn</i>
* l ə ta?	<i>đá</i>	* Criŋ	<i>sùng</i>
* Cə tām	<i>(bên) đăm</i>	* pəɗ ăm	<i>năm (5)</i>
* k ə l?e:p	<i>rét</i>	* j (-m-)ha:/i əm	<i>rướm</i>
(...)			

Tuy nhiên, quá trình đơn tiết hoá đó diễn ra không đồng đều và triệt để ở tất cả mọi từ trong mọi ngôn ngữ hữu quan. Các nguồn tư liệu thu thập được đều cho thấy rằng trong khi xu hướng đơn tiết hoá diễn ra hết sức mạnh mẽ từ Proto Việt Mường đến Việt hiện

đại, thì tính đa tiết của những đơn vị được đơn tiết hoá ấy còn được bảo lưu gần như nguyên vẹn trong (những) ngôn ngữ bảo thủ có quan hệ với tiếng Việt về mặt cội nguồn. Ví dụ, chúng ta có thể so sánh một vài tư liệu giữa tiếng Việt với tiếng Rục và tiếng Thà Vượng:

<i>Rục</i>	<i>Thà Vượng</i>	<i>Việt</i>
Cũboj	apəɗ l	<i>môi</i>
kakat	akayh	<i>gãi</i>
kũmul	khamool	<i>môi</i>
p ə li	phal əɗ	<i>trái (cây)</i>
kl ɔ i	kal ɔɔ l	<i>(chó) sói</i>
kũluok	khalook	<i>tróc</i>
(...)		
brɪŋ	hahɪŋ	<i>rận</i>
pri	phalii	<i>say</i>
lo	aloo	<i>lâu</i>
plu	paluu	<i>trầu</i>
(...)		
avah	tpah	<i>vả</i>
kəsəŋ	ksaŋ	<i>răng</i>
ĩCim	Ciim	<i>chim</i>
ăka	kaa ³	<i>cá</i>
r ə ka	kaa ¹	<i>gà</i>
(...)		
k ɔ n	k ɔ ɔ n	<i>con</i>
zuɔc	hɔɔ C	<i>ruột</i>
toh	ktoh	<i>đổ</i>
t ɔ	tɔ h	<i>đỏ</i>
(...)		

Qua tư liệu, điều không khó thấy là: cơ chế của xu hướng đơn tiết hoá này thường chỉ đơn giản là cho rụng đi một âm tiết (thường là tiền âm tiết - presyllable); và cơ chế này, cho đến hôm nay, trong tiếng Việt, vẫn tiếp tục hoạt động, tiếp tục được sử dụng như vậy (cho rụng bớt đi, chỉ giữ lại một âm tiết) khi có những từ đa tiết nào đó được đơn tiết hoá. Ví dụ:

(Ông) Lý trưởng > (Ông) Lý
(Câu) tú tài > (Câu) Tú
Đô la > đô
Vải Simili > Vải Si...

2. Hệ quả của xu hướng đơn tiết hoá là làm thay đổi diện mạo hình thái học của hàng loạt đơn vị từ vựng - hình thái cơ bản vốn là đa tiết, đồng thời góp phần làm cho số lượng từ đơn tiết sẽ chiếm tỷ lệ cao trong toàn bộ từ vựng. Khảo sát một vài nguồn ngữ liệu như những mẫu quan trắc ngẫu nhiên, chấp nhận những đơn vị như: *can qua, chốc mòn, cùng nhau, lẫn quất, đồng lương, minh chúa, mền kếp, thuỷ chung, tiên nho...* là những từ đa tiết, chúng tôi thu được một số kết quả sau đây:

Nguồn ngữ liệu \ Tỷ lệ	Từ đơn tiết	Từ đa tiết
<i>Quốc âm thi tập (thế kỷ XV)</i>	1542 (68%)	693 (32%)
<i>Hồng Đức quốc âm thi tập (thế kỉ XV)</i>	1895 (59%)	1398 (41%)
<i>Thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm (thế kỉ XVI)</i>	1573 (71%)	635 (29%)
<i>Phép giảng tám ngày (thế kỉ XVII)</i>	1145 (64%)	655 (36%)
<i>Tự vị An Nam La tinh (thế kỉ XVIII)</i>	4462 (16%)	23428 (84%)

Kết quả khảo sát từ vựng trong một số tác phẩm thành văn, chủ yếu là báo chí, từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1930 cho biết [2]:

Thời gian	Số từ được khảo sát	Từ đơn tiết	Từ đa tiết
Cuối t. kỉ XIX	4098	3592 (86,20%)	506 (13,80%)
1901 - 1910	6034	4042 (64,67%)	1992 (35,33%)
1911 - 1920	7662	4448 (57,82%)	3124 (42,18%)
1921 - 1930	7661	3264 (45,69%)	3430 (54,31%)

Hai biểu thống kê trên đây cho thấy bức tranh phân bố đơn tiết / đa tiết rõ ràng là đa dạng, nhưng chúng ta không thể không nhận ra một xu hướng chung là, càng lùi vào quá khứ lịch sử, tỷ lệ

từ đơn tiết trong nguồn tư liệu (thành văn) được khảo sát càng cao và cao hơn tỷ lệ đa tiết.

Tuy nhiên, mỗi khi số liệu cho thấy tỷ lệ "từ đa tiết" cao hơn từ đơn tiết, thì điều này cũng không

có gì đáng lạ, bởi vì nếu chúng ta nhìn nhận vấn đề “từ ghép” một cách chặt chẽ và có hệ thống hơn (mà chúng tôi nghĩ rằng như thế là đúng đắn hơn), chỉ nên coi những đơn vị “từ ghép” như: *áo quần, cha mẹ, đi lại, đầu đuôi, cà chua, áo dài, đường sắt, xe đạp...* là những ngữ cố định do các từ đơn tổ hợp lại với nhau mà thành, thì chắc chắn sẽ không còn ai nghi ngờ gì về tính đơn tiết là phổ biến, điển hình, tỷ lệ từ đơn tiết là áp đảo trong từ vựng tiếng Việt.

Sở dĩ nói như vậy, là vì chúng ta thật khó lòng chứng minh được những “yếu tố cấu tạo từ - hình vị” như: *áo, quần, cha, mẹ, đi, lại, đầu, đuôi, cà, chua, áo, dài, đường, sắt, xe, đạp...* trong các “từ ghép” như thế khác với những từ đơn tiết: *áo, quần, cha, mẹ, đi, lại, đầu, đuôi, cà, chua, áo, dài, đường, sắt, xe, đạp...*

Sự khác nhau giữa *áo* trong *áo quần* và *áo* với tư cách một từ đơn, tự do, nếu có chăng, chỉ là khác nhau về bối cảnh tồn tại và hoạt động của chính cùng một đơn vị: một đẳng bị “gò” vào trong một tổ hợp ít nhiều cố định, làm thành một tên gọi, còn một đẳng thì vẫn hoàn toàn đứng tự do, một mình, và sẵn sàng tham gia vào mọi tổ hợp khi có thể.

Không những thế, trong khi ai cũng biết rằng quan hệ giữa các

yếu tố cấu tạo trong từ là *phi cú pháp* thì ở đây chúng ta vừa không gặp khó khăn gì, vừa có thể hoàn toàn rất hồn nhiên (như trước nay vẫn làm) chỉ ra một cách rất cụ thể những mối quan hệ giữa các thành tố đó như: *đăng lập* (*áo quần, nhà cửa, làm ăn, tốt đẹp...*) *chính phụ* (*xe đạp, đường sắt, cá vàng, bút chì...*), hoặc miêu tả chúng về mặt từ loại như: *danh - danh, danh - tính, động - tân...*

3. Ngược lại với đơn tiết hoá là xu thế đa tiết hoá. Tuy nhiên, không phải đợi đến khi tiếng Việt đã hình thành một cách hoàn toàn độc lập và sau khi xu hướng đơn tiết hoá đã kết thúc thì xu thế đa tiết hoá mới diễn ra. Chúng ta đều biết rằng từ thời Proto Môn Khmer đến Proto Việt Mường, bên cạnh những từ đơn tiết, vốn đã có rất nhiều từ đa tiết (được hiểu là những từ có hơn một âm tiết) hiện diện (mà về sau chúng đã đi vào xu hướng đơn tiết hoá rất mạnh mẽ và triệt để trong tiếng Việt). Trong tiến trình lịch sử ấy, vào thời Proto Katu cũng đã xuất hiện xu hướng đa tiết hoá những từ vốn là đơn tiết trong thời Proto Môn Khmer. Chúng có là: có những từ vào thời ngôn ngữ Proto Môn Khmer là đơn tiết nhưng đến thời Proto Katu, Proto Việt Mường lại được song tiết hoá [1, 236]. Ví dụ:

<i>Proto MK</i>	<i>Proto Katu</i>	<i>Proto VM</i>	<i>Việt hiện đại</i>
* ka?	* ?aka	* akã?	Cá
* C (u ə)?	* ?aC ɔ	* aC ố?	Chó

Như vậy, có thể thấy rằng ngay từ thời Proto Katu, xu thế đa tiết hoá cũng đã có rồi; và hơn nữa, xu thế này cũng đã thể hiện sự tác động (mặc dù chưa mạnh) của mình. Hai xu thế ngược chiều nhau (đơn tiết hoá và đa tiết hoá) này không xuất hiện như một sự phân bố loại trừ hoặc kế tiếp theo trật tự thời gian.

Quan sát các ví dụ trên đây và đối chiếu một số dạng phức

<i>Proto VM</i>	<i>Tiếng Rục</i>
* ate?	tí
* ku:s	kurh
* ka:s	kiA/ kəa l
* dăm	dăm
* Cə: p	Cəp
* d ak	dak
* păn?	piŋ
* agas	kakat
* Ck/gu?	Căkư
* hlem	?jal
* ahro	ăro
* m(ə)r ɔj	mử ɔj
* usũk	usúk
* ləta?	lata
* ksăn	kăsăn
* t(ə)ŋoC	tăŋoC
* kəhak	kốhak
* k(ə)hal	kuhal
* aCǎ?	aCǎ
* k(ə)mur	kửmul
(...)	

Tác nhân làm nảy sinh các hiện tượng đa tiết hoá, dẫn đến hình thành hẳn một xu thế mang tính hình thái học, không phải chỉ có một. Chí ít, trong khuôn khổ của những tư liệu hiện biết, chúng ta

nguyên thời Proto Việt Mường với dạng tương ứng trong tiếng Việt hiện đại và/ hoặc một vài ngôn ngữ được coi là bảo thủ trong nhóm Việt Mường (như tiếng Rục hoặc Thà Vượng chẳng hạn), chúng ta sẽ hoàn toàn có thể thấy được điều đó: tương ứng với một từ đơn tiết trong tiếng Việt ngày nay, có thể là một từ đơn tiết hoặc đa tiết trong tiếng Rục, Thà Vượng và Proto Việt Mường. Ví dụ:

<i>Thà Vượng</i>	<i>Việt hiện đại</i>
	đái
kuyh	củi
	cây (sưng)
dam	năm (5)
aCoop	chớp
daak	nước
piŋ/piŋ	bắn
akayh	gãi
Ckuu	gấu
haleem	liếm
hoo	rùa
	ruồi
sok	tóc
	đá
ksaŋ	răng
	ngọt
	khạc
kahaal	khái (hố)
Coo	chó
khamool	mối

cũng có thể thấy hai tác nhân quan trọng sau đây:

3.a. Sự biến đổi của các tổ hợp phụ âm đầu trong các quá trình biến đổi của ngữ âm lịch sử tiếng Việt.

Thực tế cho thấy, những tàn dư hiếm hoi còn sót lại trong tiếng Việt hiện đại chứng tỏ rằng chính sự biến đổi của các tổ hợp phụ âm đầu trước đây theo con đường âm tiết hoá (một trong năm khả năng biến đổi của tổ hợp phụ âm đầu trong tiếng Việt - theo H. Maspero [11]) có thể đã là một trong những nguyên nhân có ý nghĩa đáng kể trong việc hình thành nên một bộ phận từ đa tiết. Ví dụ:

1- Theo Jakhontov, (xem [1, 247]) hình thái (từ) *bổ câu* của tiếng Việt hiện đại vốn bắt nguồn từ một hình thái cổ xưa có dạng tổ hợp phụ âm đầu trong ngôn ngữ Proto Đông Thuỷ là [*pq].

Về vấn đề này, V.I. Gohman trong cuốn sách *Ngữ âm lịch sử các ngôn ngữ Thái* [8] cũng dẫn công trình của S.E. Jakhontov *Sự tương ứng giữa các phụ âm gốc lưỡi trong các ngôn ngữ Đông- Thái* (T/c Đông phương học, số 7; Leningrad, 1980) và nhận xét:

"S.E. Jakhontov cho rằng ở đây có một tổ hợp phụ âm Proto Đông Thái kiểu *pq. Giải thuyết này là hoàn toàn có thể được, và có lẽ tổ hợp đó thoát kỳ thuỷ đã tồn tại trong ngôn ngữ Proto Đông Thuỷ" [8, 30]. "S.E. Jakhontov đề xuất tổ hợp phụ âm kiểu *pq và chúng tôi chia sẻ quan niệm ấy của ông" [8, 150]. Mặt khác, chính V.I. Gohman cũng cung cấp tư liệu [8, 30] cho biết: từ có nghĩa là *bổ câu* (từ *bổ câu* của tiếng Việt) được bảo lưu ở dạng *pau* trong 04 thổ ngữ, dạng *pjau* trong 01 thổ ngữ, dạng *peu* trong 01 thổ ngữ, dạng *kau* trong 01 thổ ngữ, dạng *qau*

trong 01 thổ ngữ dạng *kuu* trong 01 thổ ngữ).

2- Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - La tinh thế kỷ XVII còn ghi *tlòng; tlên...* mà ngày nay chúng ta có thể đối chiếu để thấy nguồn gốc của *tròng, lòng (lòng trắng, lòng đỏ), thòng lọng; tên, then, thèn lèn...*

3- Ngày nay, những tên gọi có nguồn gốc là từ phiên âm như *Cà mau* (< Khmău. Tiếng Khmer) *cờ lê* (< clé. Tiếng Pháp)... chính là những biểu hiện rất sống động của cách thức biến đổi đề cập bên trên.

Chính vì thế, tuy hiện nay, nguồn tư liệu chưa có được nhiều, nhưng với những gì đã có, chúng ta cũng đã có thể nghĩ tới cách giải thích cho sự ra đời của những hình thái (từ) như: *mồ hôi, bù nhìn, bó láo, cà chớn, cà khố, cà kheo, cà tàng, ba trợn, bá láp, bồ hòn, bồ nông, bồ cắt, bồ chao, bồ cào...* bằng con đường như vậy.

3.b. Sự tổ hợp các đơn vị từ đơn lại với nhau.

Đây là tác nhân quan trọng nhất làm cho xu thế đa tiết hoá phát triển mạnh và số lượng các đơn vị từ vựng không phải là đơn tiết càng ngày càng tăng trưởng vượt trội đến mức áp đảo về số lượng.

Để đáp ứng sự phát triển càng ngày càng phức tạp, ở trình độ ngày càng cao của các mặt đời sống, văn hoá và văn minh của xã hội, những đơn vị từ vựng mới phải luôn luôn được tạo lập để thoả mãn nhu cầu thể hiện, nhu cầu gọi tên. Một số lượng từ ngữ khiêm tốn và chỉ gồm những (hình thái) đơn tiết sẽ không đủ để đáp ứng được những nhu

cầu đó. Người ta buộc phải ghép những từ sẵn có lại để tạo thành những đơn vị từ vựng mới (những tên gọi mới). Các đơn vị mà nay chúng ta vẫn thường gọi là "từ ghép" như: *cha mẹ, anh em, trường sở, vải vóc, lương bổng, đường sắt, mặt trời, cá vàng, cà chua, xe cộ, cỏ rả, trắng nõn, xanh lè, đối chác, đi lại, mua bán, đánh rửa, lau chùi...* đã hình thành bằng con đường như vậy.

Và chính tại đây, những hệ quả đầy phức tạp đã nảy sinh.

b.1. Hệ quả thứ nhất: Các xung đột đồng nghĩa làm cho một số thành tố trong nhiều tổ hợp (ngữ cố định) như trên dần dần chuyển giao gánh nặng ngữ nghĩa sang cho "đồng sự" của chúng để rồi mình bị / được coi là thành tố "vô nghĩa", dẫn đến chỗ những tổ hợp nào có "thành tố vô nghĩa" đó thì nghiêm nhiên được coi là "từ ghép", đi vào địa phận của "từ ghép", còn những tổ hợp khác thì "còn phải xét".

Trong khi đó, bằng cái nhìn hồi quan, chúng ta phải thấy phương thức tổ chức và tư cách của những đơn vị như:

a. *cỏ rả, cá mú, tre pheo, xe cộ, áo xống, đối chác, súng ống, kiêng khem...*

và a'. *nhà cửa, áo quần, anh em, ăn ở, đầu đuôi, ăn nói, leo trèo...*

b. *trắng nõn, đất thó, mưa phùn, lược bí, mặt nạ, đường sá, đòn càn...*

và b'. *đường sắt, xe đạp, khăn quàng, nhà lá, bàn gỗ, áo len, chậu nhôm...*

là không khác nhau. Thế mà trong tiếng Việt ngày nay, các đơn vị như ở loại a. và b. thì nghiêm nhiên được coi là từ ghép, không hề gây một phản ứng gì; còn những đơn vị như ở loại a' và b'. thì gây rất nhiều phiền phức và tranh luận; thậm chí phải chạy theo để biện luận về tư cách "từ ghép"/ không phải "từ ghép" cho từng trường hợp một cách hết sức khó khăn, rất thiếu tính hệ thống, không nhất quán và rất khó thuyết phục.

b.2. Hệ quả thứ hai: Bề dày thời gian lịch sử cùng với một số nhân tố khác nữa như xung đột đồng nghĩa, cận nghĩa chẳng hạn, đã che mờ hoặc làm cho người hiện đại không nhận ra được nghĩa và quan hệ về nghĩa giữa các thành tố cấu tạo trong các tổ hợp; đồng thời, nếu giữa hai thành tố của mỗi tổ hợp mà ngẫu nhiên có bộ phận ngữ âm nào đó trùng lặp nhau theo kiểu của từ láy, thì tổ hợp ấy sẽ dễ dàng được đẩy sang phạm vi của từ láy.

Chính vì thế, những đơn vị như:

1- *chùa chiền, tuổi tác, hỏi han, thân thích, thân thiết, quyến luyến, bề vạ, lan man, tha thiết, giữ gìn...*

và: 2- *rổ rá, cam quýt, co kéo, kìm kẹp, rơm rác, tương tá, đèn đài...* đã được đối xử khác nhau, chỉ đơn giản vì trong các đơn vị loại 1- đều có một thành tố bị "mờ nghĩa" để cho sự tương đồng (đến một mức đạt yêu cầu nào đó) về mặt ngữ âm giữa hai thành tố của chúng nổi lên và được coi trọng; còn sự tương đồng về ngữ âm giữa hai thành tố của các đơn vị loại 2- lại bị bỏ qua,

bởi chúng còn "rõ nghĩa" cả. Đó là sự bất bình đẳng trong quan niệm và đối xử vì những lý do hoàn toàn có thể hiểu được.

3.c. Minh chứng cho hai hệ quả nêu trên là một vài khảo sát sau đây:

c.1. Trong *Hán Việt từ điển* [14], một từ điển khá lớn, thu thập khoảng 5000 đơn tự và 40.000 đơn vị đa tiết, nếu tạm gạt nghĩa của các đơn vị sang một bên, chỉ xét đến sự trùng lặp (tương đồng) về ngữ âm giữa hai thành tố của các đơn vị song tiết trong từ điển này, thì thấy:

150 đơn vị có sự tương đồng hoàn toàn.

654 đơn vị tương đồng ở phần vần.

1571 đơn vị tương đồng ở âm đầu.

Đối chiếu với *Từ điển từ láy tiếng Việt* [15], chúng tôi thấy từ điển này đã thu thập, coi 93 đơn vị song tiết Hán Việt là những từ láy, bao gồm 16 "từ láy hoàn toàn", 49 "từ láy âm đầu" và 29 "từ láy phần vần". Ví dụ: *song song, thanh thanh, trùng trùng, nhất nhất, do dự, đảo đẽ, hỗn hào, lam lũ, lưỡng lự, nguy nga, tồi tàn, tung tích, thiết tha, bàng hoàng, quuyến luyến, đạo mạo, ung dung, thổ lộ, tiêu điều...*

c.2. Kết quả khảo sát *Từ điển tiếng Việt* [18] cho thấy:

Từ điển này thu thập hơn năm trăm (522) đơn vị mà trước nay chúng ta vẫn đã gọi là từ láy âm đầu như: *con cái, ẩm áp, chẳng chịt, đại đột, gồm ghiech, rác rưởi, nhọc nhằn, thêm thắt, thể thốt, xa*

xôi, bạn bè, tiệc tùng, ẩm áp, vui vẻ, màu mè...

Phải thừa nhận rằng diện mạo và mô thức cấu tạo của những đơn vị như thế đã in đậm và thấm sâu trong nhận thức của chúng ta với tư cách là diện mạo và mô thức cấu tạo của những từ láy. Tuy nhiên, nếu nhìn cho kỹ về phương diện tổ chức nghĩa, về quan hệ giữa các thành tố cấu tạo thì lại cũng buộc phải thừa nhận rằng chúng chẳng khác gì so với những đơn vị như: *bạn bè, bùa bả, câu cú, đoán định, dạy dỗ, nghe ngóng, hang hốc, lặn lội, mệt mỏi, học hành, quê quán, ruộng rẫy, tóc tai, lông lá, xem xét, phố phường...*

Số liệu cũng cho thấy trong *Từ điển* này có hơn hai nghìn (2086) đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập. Trong số này có trên ba trăm năm mươi (355) đơn vị được tạo nên bằng những thành tố mang âm đầu trùng lặp nhau; và không ít trong số đó là những đơn vị mà ẩn tượng, nhận thức về chúng như những từ láy đã khá sâu đậm đối với những ai không cần truy tìm đến nghĩa và nguồn gốc của các thành tố cấu tạo nên chúng: *ban bố, bụ bẫm, canh cải, câu cú, càn quét, cay cực, chấn chỉnh, dạn dày, dàn dựng, đình đám, gánh gồng, hàng hoá, học hành, tán tưng, tùy tùng...*

4. Đến đây, những phân tích đã trình bày bên trên cho phép chúng ta có thể có được một vài nhận xét như sau:

a. Đơn tiết hoá và đa tiết hoá trong tiếng Việt không phải chỉ là câu chuyện của ngày hôm nay mà đã từng là một quá trình, diễn ra

từ rất lâu về trước. Chính quá trình này đã trực tiếp đưa đến một đặc điểm hết sức quan trọng, đặc điểm mang tính chất đặc trưng loại hình của tiếng Việt là tính đơn tiết, âm tiết triệt để. Mặt khác, lại cũng cần phải thấy rằng: xu thế đơn tiết hoá là đơn tiết hoá các đơn vị từ vựng - hình thái cơ bản, còn đa tiết hoá là đa tiết hoá ở cấp độ từ - từ vựng. Thấy được điều đó, chúng ta mới cắt nghĩa được vì sao hai xu thế trái ngược nhau: đơn tiết hoá và đa tiết hoá, lại có thể song hành và cùng phát huy tác động, ảnh hưởng như vậy.

Hiện nay, trong khi xu thế đơn tiết hoá vẫn đang tác động (đối với các "từ" đa tiết, đặc biệt là đối với những từ vay mượn, phiên âm) thì xu hướng đa tiết hoá (tạo lập những đơn vị từ vựng đa tiết) cũng vẫn đang tiếp tục diễn ra với cường suất ngày càng mạnh, tạo thành áp lực chủ yếu xây dựng nên ngày càng nhiều đơn vị từ vựng đa tiết mà trong số đó chủ yếu là song tiết.

(Trong *Từ điển tiếng Việt 1994* chúng tôi kiểm được trên mười chín nghìn đơn vị song tiết - 19366 đơn vị - vừa có quan hệ đẳng lập, vừa có qua hệ chính phụ - chiếm tỷ lệ xấp xỉ 50% toàn bộ danh sách từ ngữ các loại của từ điển này. Ngoài ra, cũng cần chú ý là: trong tiếng Việt ngày nay, hiện tượng tổ hợp các từ với nhau để tạo thành những đơn vị từ vựng như: *nước mắt nước mũi, khóc đứng khóc ngồi, có đầu có đuôi, bắt tay bắt chân, ma đói ma khát, cười ngặt cười nghèo...* cũng hoạt động rất mạnh mẽ và phổ biến. Nhưng, đó là một kiểu loại đơn vị từ vựng được tạo lập theo cách

khác và thuộc về một vấn đề khác, chúng tôi không trình bày ở đây).

b. Tất cả các biểu hiện của cả hai xu thế/ hai quá trình: đơn tiết hoá và đa tiết hoá, đều dẫn đến những hệ quả của chúng.

Quá trình đơn tiết hoá góp phần làm cho tỷ lệ từ đơn trong toàn bộ từ vựng tiếng Việt cao lên, làm cho tính đơn tiết của tiếng Việt trở thành một thuộc tính phổ biến, điển hình. Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng ta coi đó là thuộc tính tuyệt đối để khẳng định: từ nào của tiếng Việt cũng chỉ gồm có một âm tiết, tức là mỗi từ tiếng Việt đều có kích thước vật chất nhất loạt chỉ trùng với một âm tiết mà thôi.

Những hệ quả gây nên nhiều rắc rối và phiền toái cho cả lý luận lẫn thực tiễn nghiên cứu về từ tiếng Việt (chẳng hạn, vấn đề lý luận về từ, tiêu chí nhận diện từ và các kiểu từ, lý thuyết và thực tiễn phân định ranh giới từ, phân biệt từ với các đơn vị từ vựng khác...) đều do quá trình đa tiết hoá đem lại. Điều nhận xét này không phải là mới nhưng cần được nhận thức đầy đủ hơn, chú ý đúng mức đến cả những nhân tố lịch sử nữa, mới có thể góp phần giải quyết các vấn đề hữu quan một cách có hệ thống hơn, đỡ rắc rối và phức tạp hơn, nhưng phản ánh được bức tranh toàn cảnh về từ tiếng Việt một cách chân thực hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn, Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt, Nxb GD, H., 1995.
2. Trần Nhật Chính, Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt hiện đại

(30 năm đầu thế kỉ XX: 1900 - 1930), *Luận án tiến sĩ ngữ văn, H., 2002.*

3. *Phạm Đức Dương*, Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung, *Sách Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á, Viện Đông Nam Á, 1983, tr. 76 - 133.*

4. *Diffloth G.*, The lexical evidence for Austric, so far, *Oceanic linguistics, Vol. 33, No. 2, 1994, 309 - 321 pp.*

5. *Diffloth G.*, Vietnamese as a Mon - Khmer language, *Papers from the first annual meeting of the Southeast Asian linguistics Society, 1991, 125 - 139 pp.*

6. *Ferlus M.*, L'infixe instrumental RN en Khamou et sa trace en Vietnamien, *Cahier de linguistique Asie Orientale No. 2, Sep., 1977, pp. 51 - 55.*

7. *Ferlus M.*, Lexique Thvung - Francais, *Cahiers de linguistique Asia Oriental, No. 5. Mars 1979, pp. 83-94.*

8. *Gohman V.I.*, Istoricheskaja Phonetika Taiskikh Jazykov, *Izd. Nauka, Moscva, 1992.*

9. *Huffman F.E.*, An examination of lexicon correspondences between Vietnamese and some other Austro-asiatic languages, *Lingua, Vol. 43, No. 2-3, Amsterdam, 1977, 171 - 198 pp.*

10. *Nguyễn Văn Lợi*, Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại, *T/c Ngôn ngữ, Số 2, 1992, tr. 29 - 36.*

11. *Maspero H.*, Etude sur la phonetique historique de la langue annamite, Les initiales, *BEFEO, Vol. 12, No. 1, pp. 1 - 127 (Bản dịch của Khoa ngữ văn, Đại học tổng hợp Hà Nội).*

12. *Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, M. Ferlus*, Lexique Vietnamien-Ruc - Francais, *Universite de Paris VII.*

13. *Võ Xuân Trang*, Người Rục ở Việt Nam, *Nxb Văn hoá dân tộc, H., 1998.*

NGUỒN NGỮ LIỆU KHẢO SÁT

14. *Đào Duy Anh*, Hán Việt từ điển, *Nxb Trường thi, Sài gòn, 1937.*

15. *Hoàng Văn Hành*, Từ điển từ láy tiếng Việt, *Nxb GD, H., 1995.*

16. *Hồng đức quốc âm thi tập; Nxb Văn học, H., 1962, 1982.*

17. *Nguyễn Bình Khiêm*, Thơ Nôm, *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, Nxb Văn học, H., 1983.*

18. *Hoàng Phê (Chủ biên)*, Từ điển tiếng Việt, *Nxb KHXH, Trung tâm từ điển học, H., 1994.*

19. *Pignau de Behain*, Tự vị An nam - La tinh, *H., 1999.*

20. *A. de. Rhodes*, Phép giảng tám ngày, *Tư liệu Khoa ngữ văn, Đại học tổng hợp Hà Nội.*

21. *Nguyễn Trãi*, Quốc âm thi tập, *Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb, KHXH, H., 1976.*